TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 554/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 409/2026/TLST – HNGĐ ngày 21/4/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

1/ Ông Nguyễn T B, sinh năm 1983; Căn cước công dân số: 079********;

Địa chỉ thường trú: Số A đường B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn T T H, sinh năm 1985; Căn cước công dân số: 079********;

Địa chỉ thường trú: Số A đường B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Ông Nguyễn T B và bà Nguyễn T T H có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn T B và bà Nguyễn T T H cùng có địa chỉ cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 193 Quyển số II/2010 do Ủy ban nhân dân Phường O, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/2010 và trình bày của các đương sự thì ông Nguyễn T B và bà Nguyễn T T H là vợ chồng hợp pháp.

Trong quá trình chung sống hai bên có khác biệt về quan điểm sống dẫn đến có nhiều mâu thuẫn cả về hôn nhân và cuộc sống. Hai bên đã tìm cách hòa giải các mâu thuẫn nhưng không thể giải quyết được. Ông bà xác định tình cảm

vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét thấy sự thỏa thuận của ông Nguyễn T B và bà Nguyễn T T H là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3]. Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn N G H, sinh ngày 20/8/2011; Nguyễn B, sinh ngày 21/9/2015 và Nguyễn K H, sinh ngày 21/04/2017. Hai bên thỏa thuận giao con chung gồm trẻ Nguyễn N G H , Nguyễn B và trẻ Nguyễn K H cho bà Nguyễn T T H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, ông Nguyễn T B và bà Nguyễn T T H tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và Gia đình, nên được công nhận.

4]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Không có.

[6]. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Nguyễn T B tự nguyện chịu toàn bộ; được cấn trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn T B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0024374 ngày 16/04/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T B và bà Nguyễn T T H thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn N G H , sinh ngày 20/8/2011; Nguyễn B, sinh ngày 21/9/2015 và Nguyễn K H, sinh ngày 21/04/2017. Hai bên thỏa thuận giao con chung gồm trẻ Nguyễn N G H, Nguyễn B và trẻ Nguyễn K H cho bà Nguyễn T T H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Nguyễn T B tự nguyện chịu toàn bộ; được cấn trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn T B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0024374 ngày 16/04/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4; TP.HCM
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường T (Phường O, quận B cũ theo GCNKH số 193 Quyển số II/2010 ngày 06/12/2010), TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ .

THẨM PHÁN

Đỗ Thanh Hương